TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 130/2022/DS-PT Ngày 15 - 3- 2022 V/v Tranh chấp đòi nhà, chia thừa kế, chia tài sản chung, hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 622/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp đòi nhà, chia thừa kế, chia tài sản chung, hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 972/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 157/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyen Tony Van N, sinh năm 1938.

Địa chỉ: H St, C West NSW 2166.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/. Bà Võ Thị Kim Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: đường H, Phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Kim Th: Ông Lê Đại Th, sinh năm 1988. Địa chỉ: đường Q, Phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/. Ông Thượng Hoàng Ph, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường B, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: 664 Đường X, tổ 1, khu phố 1, phường P, Quận 9 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Xuân H

Địa chỉ: đường U, khu phố 2, phường T, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hoàng Thái L – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Lê Thị Thùy Tr, sinh năm 1968. (vắng mặt)

2/. Bà Trần Lê Vương Tr, sinh năm1983. (vắng mặt)

3/. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1957. (vắng mặt)

4/. Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1968. (vắng mặt)

5/. Trẻ Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 2003.

Người giám hộ: Bà Lê Thị Thùy Tr, sinh năm 1968.

Cùng ngụ tại địa chỉ: 668 Đường X, tổ 1, khu phố 1, phường P, Quận 9 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

6/. Bà Lê Thị H (chết năm 2018)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H:

6.1/. Bà Nguyễn Thị Th, chết 2014.

6.2/. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: 664 Đường X, tổ 1, khu phố 1, phường P, Quận 9 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

6.3/. Bà Lê Thị Kim V, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ: 672 Đường X, phường P, Quận 9 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

6.4/. Bà Lê Thị Thùy Tr, sinh năm 1968. (vắng mặt)

6.5/. Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1968. (vắng mặt)

6.6/. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 668 Đường X, tổ 1, khu phố 1, phường P, Quận 9 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

6.7/. Ông Lê Văn D, sinh năm 1965.

Người đại diện ủy quyền của ông D: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1961. Địa chỉ: 664 đường X, tổ 1, khu phố 1, phường P, Quận 9 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thùy Tr, bà Trần Lê Vương Tr, ông Nguyễn Thanh L, bà Lê Thị Thùy L, trẻ Nguyễn Thị Ngọc A: Bà Lê Thị Kim V, sinh năm 1959, địa chỉ: 672 đường X, phường P, Quận 9 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

7/. Phòng công chứng số 10 (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Thượng Hoàng Ph (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), bị đơn bà Lê Thị Kim L (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn D), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim V (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Lê Thị Thùy Tr, Lê Thị Thùy L, Nguyễn Thanh L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyen Tony Van N có đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc căn nhà 668 Đường X, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Nguyen Tony Van N (ông N) và vợ là bà Nguyễn Thị Th. Ông và bà Th chung sống như vợ chồng từ trước năm 1986, được Ủy ban nhân dân phường P xác nhận là hôn nhân thực tế ngày 18/02/2014.

Năm 2014, bà Nguyễn Thị Th mất, sau chịu tang bà Th xong ông quay trở lại Australia thì ở Việt Nam bà Lê Thị H (mẹ bà Th), Lê Thị Kim L (em gái bà Th) tự ý phá khóa cửa và đưa người vào sinh sống tại căn nhà 668 Đường X mà không có sự đồng ý của ông N. Sau khi trở về nước ông đã nhiều lần làm thông báo đòi lại nhà nhưng bà H, bà L vẫn cố tình chiếm giữ tài sản này và không có chủ đích trả lại cho ông N.

Năm 2014 ông khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H, bà Lê Thị Kim L trả lại nhà cho ông.

Năm 2016 bà Lê Thị H đã qua đời.

Năm 2019 ông N xác định lại khởi kiện bà Lê Thị Kim L theo nội dung: Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà đất số 668 Đường X, phường P, Quận 9 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh hiện do bà Lê Thị Kim L đang quản lý và yêu cầu chia thừa kế đối với phần của bà Th trong căn nhà. Ngày 01/6/2020 phía nguyên đơn có đơn rút lại yêu cầu đòi nhà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn xác định lại yêu cầu cụ thể như sau: Yêu cầu được chia tài sản chung là *1/2* căn nhà số 668 Đường X, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh và chia thừa kế theo pháp luật đối với 1/2 căn nhà còn lại của bà Th do bà Th đã chết năm 2014. Yêu cầu hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị H lập tại Văn phòng công chứng Quận 10 ngày 19/6/2017.

Bị đơn bà Lê Thị Kim L trình bày:

Đối với yêu cầu của ông N cho rằng ông với bà Th có quan hệ vợ chồng từ

trước năm 1975 là không đúng, gia đình bà L chỉ biết ông N do ông có xưởng làm việc ở gần nhà, ông N đã xuất cảnh đi nước ngoài từ lâu, sau này thỉnh thoảng có đi về và có tới căn nhà 668 Đường X, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nhiều lần với tư cách bạn bè. Năm 2014 bà Th chết, ông N có dự tang lễ và để tang.

Ông Nguyen Tony Van N khởi kiện cho rằng bà đã tự ý mở khóa vào căn nhà trên để ở, vẫn cố tình không trả lại nhà cho ông N là không đúng, bởi lẽ bà có nhà ở riêng hiện đang thường trú tại 664 Đường X, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà số 668 là của chị gái bà tên Nguyễn Thị Th, năm 2014 bà Th chết không chồng con, không để lại di chúc nên nhà đất tọa lạc tại địa chỉ trên thì mẹ bà Th là bà Lê Thị H mặc nhiên được thừa kế duy nhất. Việc khởi kiện của ông N là không có căn cứ, bà đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn D ủy quyền cho bà Lê Thị Kim L đại diện trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn.

Bà Lê Thị Thùy Tr, bà Trần Lê Vương Tr, ông Nguyễn Thanh L, bà Lê Thị Thùy L, trẻ Nguyễn Thị Ngọc A cùng ủy quyền cho bà Lê Thị Kim V đại diện trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn.

Phòng công chứng số 10: Đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 972/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 234, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Thông tư liên tịch 01/2001//TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ yêu cầu đòi nhà ông Nguyen Tony Van N.

2/. Xác định quan hệ giữa ông Nguyen Tony Van N và bà Nguyễn Thị Th là quan hệ hôn nhân thực tế.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyen Tony Van N về yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất 668 Đường X, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyen Tony Van N:

Xác định nhà đất 668 Đường X, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Th để lại (Nhà và đất theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ sở Tài nguyên và môi trường lập ngày 24/9/2018).

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Th là ông Nguyen Tony Van N và bà Lê Thị H (chết năm 2018). Hàng thừa kế thứ nhất của bà H là các ông bà Lê Thị Thùy Tr, Nguyễn Thanh L, Lê Thị Thùy L, Lê Thị Kim L, Lê Văn D, Lê Thị Kim V.

Ông Nguyen Tony Van N và các ông bà Lê Thị Thùy Tr, Nguyễn Thanh L, Lê Thị Thùy L, Lê Thị Kim L, Lê Văn D, Lê Thị Kim V mỗi bên được hưởng 1/2 giá trị nhà đất 668 Đường X, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm phát mãi thi hành án.

5/. Hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị H lập tại Văn phòng công chứng Quận 10 ngày 19/6/2017.

Các bên Thi hành án tại Cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả thêm lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/7/2020, bà Lê Thị Kim L, Lê Thị Kim V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/8/2020, ông Nguyen Tony Van N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyen Tony Van N, bà Lê Thị Kim L (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim V) trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyen Tony Van N trình bày: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông N và bà Nguyễn Thị Th sống chung với nhau như vợ chồng; có quan hệ hôn nhân thực tế, phù hợp với quy định pháp luật. Từ ngày chung sống với bà Th thì tuân thủ quy định một vợ một chồng. Về quyền sử dụng đất, nguyên đơn xác nhận có nguồn gốc do mẹ bà Th cho trước khi kết hôn. Vì vậy, khi bà Th chết thì ông N đề nghị được chia ½ giá trị tài sản của bà Th để lại do bà Th chỉ có 02 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là ông N và bà H. Về căn nhà, được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng. Ông N đề nghị được hưởng ½ giá trị căn nhà. Ông N đủ điều kiện được đứng tên nhà đất tại Việt Nam nên đề nghị tuyên giao hiện vật cho ông N; ông N hoàn lại giá trị cho phía bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Phía nguyên đơn cho rằng bà Th phụ thuộc kinh tế vào nguyên đơn là không đúng vì gia đình bà H, bà Th có điều kiện kinh tế rất tốt. Bà Th chỉ là người làm cầu nối giúp đỡ cho ông N

chuyển tiền từ nước ngoài về cho thân nhân tại Việt Nam; không phải ông N chuyển tiền cho bà Th. Ông N chăm sóc bà Th khi bị bệnh, chịu tang bà Th là vì để trả ơn cho bà Th đã giúp đỡ; không được xem là chung sống, chăm sóc như vợ chồng. Ông N và bà Th không phải là quan hệ hôn nhân thực tế. Trước năm 1978 ông N đã có vợ con; năm 1979 ông N vượt biên cùng vợ con. Bị đơn cung cấp 5 văn bản xác nhận của những người sống gần nhà ông N tại Việt Nam xác định thời điểm này ông N có vợ, con tại Việt Nam. Vì vậy, đề nghị không công nhận quan hệ hôn nhân thực tế giữa ông N, bà Th; bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung, chia thừa kế đối với nhà đất số 668 Đường X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Kim L đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về kháng cáo của đại diện nguyên đơn, trong quá trình xét xử phúc thẩm, nguyên đơn có cung cấp được tài liệu mới chứng minh có gửi tiền về cho bà Th nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng xem xét và tuyên xử lý đối với số tiền ông N gửi về xây nhà.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Thượng Hoàng Ph (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), bị đơn bà Lê Thị Kim L (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn D), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim V (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Lê Thị Thùy Tr, Lê Thị Thùy L, Nguyễn Thanh L) làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyen Tony Van N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, chia thừa kế theo pháp luật phần tài sản của bà Nguyễn Thị Th chết để lại đối với nhà đất tại số 668 Đường X, phường P, Quận 9 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh với lý do ông N và bà Th có quan hệ hôn nhân thực tế, nhà đất là tài sản tạo lập chung của vợ chồng ông bà trong thời kỳ hôn nhân.

Bị đơn bà Lê Thị Kim L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do ông N và bà Th không có quan hệ hôn nhân, tài sản tranh chấp thuộc sở hữu hợp pháp của một mình bà Th, bà H (mẹ bà Th) là người thừa kế duy nhất của bà Th.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyen Tony Van N và bà Nguyễn Thị Th:

Ông Nguyen Tony Van N và bà Nguyễn Thị Th có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ trước năm 1987, được các gia đình sống cạnh nhà bà Th, tổ trưởng dân phố nơi bà Th sinh sống xác nhận. Ông N thường trú tại nước ngoài nhưng thường xuyên về Việt Nam, khi về đều cư trú tại nhà của bà Th, thời gian cư trú mỗi lần khoảng 3 tháng. Tại các giấy khai báo đăng ký tạm trú của bà Th cho ông N trong các lần ở nước ngoài về Việt Nam để ở nhà cùng bà Th thì bà Th đều ghi mối quan hệ với ông N là "Chồng". Từ năm 1982, ông Nguyen Tony Van N nhiều lần gửi tiền từ nước ngoài về cho bà Th, được chứng minh bằng nhiều giấy gửi tiền từ 1982 đến 1994 do nguyên đơn cung cấp. Tại giấy xác nhận của bà Lê Thị H (mẹ bà Th) từ năm 1983 tại sổ nhận tiền, hàng nước ngoài gửi về ghi trong mục người thân - ông Tony Van N là "cháu". Bản thân ông N hiện đang giữ bản chính hồ sơ nhà đất của căn nhà 668 Đường X là căn nhà mà bà Th sinh sống, chứng minh giữa hai bên có quan hệ chung sống và cùng quản lý tài sản với nhau. Phía bị đơn bà Lê Thị Kim L cũng thừa nhận việc ông N thăm nom chăm sóc bà Th khi bà Th bị bệnh, lo ma chay, để tang khi bà Th chết.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp giấy xác nhận độc thân tại nơi cư trú New South Wales, được hợp thức hóa lãnh sự, xác định theo hồ sơ lưu trữ ngày 19/10/1979 đến ngày 18/5/2014 không có thông tin đăng ký kết hôn của ông Nguyen Tony Van N. Phía bị đơn cung cấp giấy cam kết của những người sống gần nhà ông N khoảng thập niên 1960 xác định ông N có vợ tên Lạc và 04 người con để chứng minh ông N đã có quan hệ hôn nhân trước đó. Xét thấy, nội dung tờ cam kết không xác định rõ được nhân thân của những người được cho là vợ, con của ông N; khoảng thời gian chung sống chính xác. Đây không phải là một trong các căn cứ pháp lý để chứng minh ông N có quan hệ hôn nhân hợp pháp khác.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội xác nhận quan hệ giữa ông Nguyen Tony Van N và bà Nguyễn Thị Th là hôn nhân thực tế là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2.2] Xét yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn:

Nguồn gốc quyền sử dụng đất tại nhà số 668 Đường X là của bà Lê Thị H (mẹ bà Th) tặng cho riêng bà Nguyễn Thị Th. Năm 1990, bà Th tiến hành xây dựng nhà trên đất. Quá trình chung sống với ông N, bà Th không thực hiện việc nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng. Nguyên đơn cho rằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại số 668 Đường X được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, bằng nguồn tiền do nguyên đơn gửi từ nước ngoài nên là tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định quyền sử dụng đất là do mẹ của bà Th tặng cho riêng bà Th nên ông N chỉ yêu cầu được hưởng ½ quyền sử dụng đất. Về nguồn tiền để xây dựng căn nhà, ông N

cũng như người đại diện theo ủy quyền không cung cấp được chứng cứ trực tiếp nào xác định ông N chuyển tiền từ nước ngoài về cho bà Th, mục đích để xây dựng nhà. Do đó, không có cơ sở xác định nhà đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng ông N, bà Th trong thời kỳ hôn nhân.

Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại số 668 Đường X là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Th. Năm 2014, bà Th chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế của bà Th tại thời điểm đó gồm ông Nguyen Tony Van N là chồng và bà Lê Thị H là mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông N, bà H mỗi người được hưởng ½ di sản do bà Th để lại; trong đó bà Lê Thị H (mất năm 2018) có hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông, bà Lê Thị Thùy Tr, Nguyễn Thanh L, Lê Thị Thùy L, Lê Thị Kim L, Lê Văn D, Lê Thị Kim V được hưởng phần di sản bà H được chia là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2.3] Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Kim L, bà Lê Thị Kim V đề nghị hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đặng Trần Tr có tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 29/6/2020, thể hiện tại Biên bản phiên tòa dân sự sơ thẩm ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Việc bản án sơ thẩm không thể hiện sự có mặt của ông Tr và không đề cập đến lời trình bày của ông Tr là có sai sót; tuy nhiên lời trình bày của ông Tr thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Lê Thị Kim L và đã được ghi nhận đầy đủ trong biên bản phiên tòa nên sai sót này của bản án sơ thẩm không gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn cũng như việc giải quyết khách quan vụ án. Bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại với lý do trên là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các đương sự có kháng cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Lê Thị Thùy Tr, bà Lê Thị Thùy L, bà Lê Thị Kim L, ông Lê Văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyen Tony Van N, ông Nguyễn Thanh L, bà Lê Thị Kim V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Thượng Hoàng Ph (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), bị đơn bà Lê Thị Kim L (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn D), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim V (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Lê Thị Thùy Tr, Lê Thị Thùy L, Nguyễn Thanh L).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 972/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 234, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch 01/2001//TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ yêu cầu đòi nhà ông Nguyen Tony Van N.

2/. Xác định quan hệ giữa ông Nguyen Tony Van N và bà Nguyễn Thị Th là quan hệ hôn nhân thực tế.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyen Tony Van N về yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất 668 Đường X, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyen Tony Van N:

Xác định nhà đất 668 Đường X, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Th để lại (Nhà và đất theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ sở Tài nguyên và môi trường lập ngày 24/9/2018).

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Th là ông Nguyen Tony Van N và bà Lê Thị H (chết năm 2018). Hàng thừa kế thứ nhất của bà H là các ông bà Lê Thị Thùy Tr, Nguyễn Thanh L, Lê Thị Thùy L, Lê Thị Kim L, Lê Văn D, Lê Thị Kim V.

Ông Nguyen Tony Van N và các ông bà Lê Thị Thùy Tr, Nguyễn Thanh L, Lê Thị Thùy L, Lê Thị Kim L, Lê Văn D, Lê Thị Kim V mỗi bên được hưởng *1/2* giá trị nhà đất 668 Đường X, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm phát mãi thi hành án.

5/. Hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị H lập tại Văn phòng công chứng Quận 10 ngày 19/6/2017.

6/. Các bên Thi hành án tại Cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả thêm lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

7/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

8/. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Thùy Tr, Lê Thị Thùy L, Lê Thị Kim L, ông Lê Văn D, mỗi người phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0092227, 0092228, 0092229, 0092230 cùng ngày

05/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã thực hiện xong.

Ông Nguyen Tony Van N, ông Nguyễn Thanh L, bà Lê Thị Kim V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

9/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (9);
- Lưu VP(3), HS(2).19b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng